

Số: 93/BC-BV

Con Cuông, ngày 2 tháng 10 năm 2024

BÁO CÁO
KẾT QUẢ KHẢO SÁT HÀI LÒNG NGƯỜI BỆNH NỘI TRÚ
QUÝ III NĂM 2024

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Nội dung khảo sát: Thực hiện khảo sát, đánh giá mức độ hài lòng của người bệnh nội trú với 05 nhóm tiêu chí sau:

- Khả năng tiếp cận
- Sự minh bạch thông tin và thủ tục khám bệnh, điều trị
- Cơ sở vật chất và phương tiện phục vụ người bệnh
- Thái độ ứng xử, năng lực chuyên môn của nhân viên y tế
- Kết quả cung cấp dịch vụ

2. Phương pháp khảo sát:

2.1. Thời gian khảo sát: Từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/9/2024. Mỗi tuần đều tiến hành khảo sát ở các khoa bất kỳ

2.2 Người khảo sát: Tổ khảo sát hài lòng người bệnh

2.3 Mẫu khảo sát: Mẫu phiếu khảo sát hài lòng người bệnh nội trú ban hành kèm theo Quyết định 56/QĐ-BYT ngày 8/1/2024 về việc ban hành về công tác đo lường sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ y tế công giai đoạn 2024-2030. Và được khảo sát trực tuyến trên phần mềm của Bộ Y tế.

2.4 Cỡ mẫu: 118 người. Trong đó có cả Bệnh nhân và người nhà bệnh nhân.

2.5 Phương pháp chọn mẫu

Để đảm bảo tính ngẫu nhiên, đại diện, đồng thời giúp bệnh viện xác định những vấn đề người bệnh chưa hài lòng, việc chọn mẫu người bệnh nội trú thực hiện như sau:

- Khảo sát bệnh nhân nội trú đang điều trị tại bệnh viện đồng ý hợp tác điều tra, tinh tảo, không bị bệnh nặng trên 18 tuổi.

2.6. Nhập số liệu và phân tích số liệu khảo sát

- Các mẫu phiếu thu được sau đợt khảo sát được nhập trực tiếp vào địa chỉ <http://chatluongbenhvien.vn> của Bộ y tế.

- Số liệu khảo sát được phân tích theo hướng dẫn ban hành kèm theo Quyết định 56/QĐ-BYT ngày 8/1/2024 về việc ban hành về công tác đo lường sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ y tế công giai đoạn 2024-2030.

II. KẾT QUẢ KHẢO SÁT

1. Thông tin chung về đối tượng khảo sát

Nội dung	Số lượng (n=118)	Tỷ lệ(%)
Giới tính		
Nam	44	37.2%
Nữ	75	63.5%
Tỷ lệ sử dụng BHYT		
Có	117	99.1%
Không	2	1.69%

* Khoa điều trị nội trú được đánh giá sự hài lòng

STT	Tên khoa	Số phiếu
1	Khoa Nội	20
2	Khoa HSCC	11
3	Khoa Nhi	14
4	Khoa Ngoại	25
5	Khoa Y học cổ truyền	6
6	Khoa LCK	21
7	Khoa Sản	11
8	Khoa BND	11
	Tổng	118

2. Kết quả về sự hài lòng Người bệnh nội trú

2.1. Kết quả tổng thể bệnh viện

- Tổng điểm trung bình chung: 4.87
- Tỷ lệ hài lòng chung: 97.5%
- Điểm Trung bình theo từng phần :
 - + A. Khả năng tiếp cận: 4.68
 - + B. Sự minh bạch thông tin và thủ tục khám bệnh, điều trị: 4.55
 - + C. Cơ sở vật chất và phương tiện phục vụ người bệnh: 4.53
 - + D. Thái độ ứng xử, năng lực chuyên môn của nhân viên y tế: 4.58
 - + E. Kết quả cung cấp dịch vụ: 4.59
- Tỷ lệ hài lòng so với mong đợi:
- Tỷ lệ người bệnh sẽ quay trở lại

Bảng 1: Điểm TB theo từng tiêu chí

Nội dung	Tỷ lệ hài lòng
Khả năng tiếp cận (A)	93.68

Sự minh bạch thông tin và thủ tục khám bệnh, điều trị (B)	90.96
Cơ sở vật chất và phương tiện phục vụ người bệnh (C)	90.64
Thái độ ứng xử, năng lực chuyên môn của NVYT (D)	91.67
Kết quả cung cấp dịch vụ (E)	91.71

Nhận xét: Kết quả từ bảng 2 thể hiện mức điểm trung bình và tỷ lệ hài lòng của từng nhóm tiêu chí, đánh giá sự hài lòng của người bệnh nội trú về chất lượng khám, chữa bệnh tại bệnh viện quý III năm 2024. Mức điểm trung bình chung của tất cả 05 nhóm tiêu chí là 4,87 điểm.

Trong 05 nhóm tiêu chí, nhóm tiêu chí Sự minh bạch thông tin và thủ tục khám bệnh, điều trị (B) với tỷ lệ hài lòng đạt 97.5 điểm. Hai nhóm tiêu chí C và A là có điểm trung bình và tỷ lệ hài lòng trung bình thấp hơn 2 tiêu chí còn lại.

2. Kết quả khảo sát cụ thể theo từng nhóm

2.1. Nhóm tiêu chí A

* Kết quả theo tiêu chí:

STT	Tên tiêu chí	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Mức 5	Điểm TB
1	A1	0	0	2	29	90	4,76
2	A2	0	0	1	31	88	4,74
3	A3	0	0	3	45	74	4,62
4	A4	0	0	1	44	75	4,63
5	A5	0	0	1	39	80	4,67
	Cộng	0	0	8	188	407	4,68

Nội dung	Điểm TB	Tỷ lệ hài lòng
A1. Các sơ đồ, biển báo chỉ dẫn đường đến các khoa, phòng trong bệnh viện rõ ràng, dễ hiểu, dễ tìm	4,76	95,13
A2. Các tòa nhà, cầu thang bộ, thang máy, buồng bệnh được đánh số và hướng dẫn rõ ràng	4,74	94,79
A3. Các lối đi trong bệnh viện, hành lang bằng phẳng, dễ đi	4,62	92,44
A4 Thời gian chờ thang máy, làm thủ tục và chờ đợi trong quá	4,63	92,61

trình khám, chữa bệnh chấp nhận được		
A5. Người bệnh hỏi và gọi được nhân viên y tế khi cần	4,67	93,45
Cộng trung bình	4,68	93,68

Qua bảng trên, ta nhận thấy mức độ hài lòng của người bệnh về khả năng tiếp cận với bệnh viện đạt tỷ lệ tốt. Bệnh viện đang ngày càng chú trọng đến khả năng tiếp cận thông tin của người bệnh. Khi người bệnh nắm được thông tin họ sẽ hài lòng hơn, người bệnh và người nhà sẽ ít mất thời gian trong việc tìm kiếm địa điểm, phòng khám, khoa điều trị. Nhìn chung cả 5 tiêu chí đều có số điểm trung bình và tỷ lệ hài lòng tương đương nhau, không chênh lệch mấy. Đa số người bệnh được khảo sát đều hài lòng.

2.2. Nhóm tiêu chí B: Sự minh bạch thông tin và thủ tục khám bệnh, điều trị.

- *Kết quả theo tiêu chí:*

STT	Tên tiêu chí	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Mức 5	Điểm TB
1	B1	0	0	08	45	64	4,59
2	B2	0	0	01	53	66	4,55
3	B3	0	0	05	55	64	4,54
4	B4	0	0	02	60	59	4,50
5	B5	0	0	01	55	64	4,54
6	B6	0	0	0	55	64	4,54
7	B7	0	0	0	49	70	4,59
	Cộng	0	0	27	372	451	4,55

- *Điểm trung bình và tỷ lệ hài lòng chung của nhóm tiêu chí B như sau:*

Nội dung	Điểm TB	Tỷ lệ hài lòng
B1. Quy trình, thủ tục hành chính (Nhập, xuất viện, chuyển viện, chuyển khoa) rõ ràng, công khai, thuận tiện	4,59	91,74
B2. Giá dịch vụ y tế được niêm yết, thông báo công khai ở vị trí dễ quan sát, dễ đọc, dễ hiểu và được tư vấn, giải thích các chi phí cao nếu có	4,55	91,09
B3. Quy trình, thời gian làm thủ tục thanh toán viện phí khi ra viện rõ ràng, công khai, thuận tiện	4,54	90,76
B4. Được phổ biến về nội quy và những thông tin cần thiết khi nằm viện rõ ràng, đầy đủ	4,50	89,92
B5. Được giải thích về tình trạng bệnh, phương pháp và thời gian dự kiến rõ	4,54	90,76

ràng, đầy đủ		
B6. Được giải thích, tư vấn trước khi yêu cầu làm các xét nghiệm, thăm dò, kỹ thuật cao rõ ràng, đầy đủ	4,54	90,76
B7. Được công khai và cập nhật thông tin về dùng thuốc và chi phí điều trị	4,59	91,76
Cộng Trung bình	4,55	90,96

Từ bảng trên ta thấy tiêu B1. Quy trình, thủ tục hành chính (Nhập, xuất viện, chuyển viện, chuyển khoa) rõ ràng, công khai, thuận tiện có số điểm trung bình và tỷ lệ hài lòng cao nhất là 4,59 và đạt tỷ lệ 91.74%. Qua khảo sát, tỷ lệ hài lòng của tiêu chí nhóm B tương đối đều nhau.

2.3. Nhóm tiêu chí C: Cơ sở vật chất và phương tiện phục vụ người bệnh

- Kết quả theo tiêu chí:

STT	Tên tiêu chí	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Mức 5	Điểm TB
1	C1	0	0	2	58	61	4,51
2	C2	0	0	4	54	65	4,55
3	C3	0	0	2	56	63	4,53
4	C4	0	0	3	57	62	4,52
5	C5	0	0	5	60	59	4,50
6	C6	0	0	5	54	65	4,55
7	C7	0	0	1	56	62	4,53
8	C8	0	0	3	58	61	4,51
9	C9	0	0	6	55	64	4,54
10	C10	0	0	0	55	64	4,54
11	C11	0	0	0	49	70	4,59
	Cộng	0	0	31	612	696	4,53

Điểm trung bình và tỷ lệ hài lòng chung của nhóm tiêu chí C là 4.53

Nội dung	Điểm TB	Tỷ lệ hài lòng
C1. Buồng bệnh nằm điều trị khang trang, sạch sẽ có đầy đủ các thiết bị điều chỉnh nhiệt độ phù hợp như quạt, máy sưởi, hoặc điều hòa.	4,51	90,25
C2. Buồng bệnh yên tĩnh, đảm bảo an toàn, an ninh, trật tự, phòng ngừa trộm cắp, yên tâm khi nằm viện	4,55	90,92
C3. Giường bệnh, ga, gối đầy đủ cho mỗi người một giường, chắc chắn, sử dụng tốt	4,53	90,59

C4. Được cung cấp quần áo đầy đủ, sạch sẽ	4,52	90,42
C5. Nhà vệ sinh, nhà tắm thuận tiện, sạch sẽ, sử dụng tốt	4,50	89,92
C6. Được cung cấp đầy đủ nước uống, nóng lạnh ngay tại khoa	4,55	90,92
C7. Người bệnh và người nhà người bệnh truy cập được mạng internet không dây ngay tại buồng bệnh	4,53	90,51
C8. Được bảo đảm sự riêng tư khi nằm viện như thay quần áo, khám bệnh, đi vệ sinh tại giường có rèm che, vách ngăn hoặc nằm riêng	4,51	90,25
C9. Căng tin bệnh viện phục vụ ăn uống và nhu cầu sinh hoạt thiết yếu đầy đủ và chất lượng	4,54	90,76
C10. Môi trường trong khuôn viên bệnh viện xanh sạch đẹp	4,54	90,76
C11. Được cung cấp phương tiện vận chuyển nội viện như xe lăn, cáng, xe điện đầy đủ, kịp thời sử dụng tốt khi có nhu cầu	4,59	91,76
Cộng Trung bình	4,53	90,64

Từ bảng trên ta thấy tiêu chí C5. Nhà vệ sinh, nhà tắm thuận tiện, sạch sẽ, sử dụng tốt được đánh giá thấp hơn các tiêu chí khác. Tuy nhiên vẫn được đánh giá cao.

2.4. Nhóm tiêu chí D: Thái độ ứng xử, năng lực chuyên môn của nhân viên y tế

- Kết quả theo tiêu chí:

STT	Tên tiêu chí	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Mức 5	Điểm TB
1	D1	0	0	2	49	70	4,59
2	D2	0	0	5	52	67	4,56
3	D3	0	0	3	48	71	4,60
4	D4	0	0	1	48	71	4,60
5	D5	0	0	2	49	70	4,59
6	D6	0	0	5	52	67	4,56

7	D7	0	0	1	49	70	4,59
	Cộng	0	0	19	347	486	4,58

- Kết quả điểm trung bình và tỷ lệ hài lòng chung của nhóm tiêu chí D:
4.58.

- Kết quả điểm trung bình và tỷ lệ hài lòng chung của nhóm tiêu chí D

Nội dung	Điểm TB	Tỷ lệ hài lòng
D1. Bác sĩ, điều dưỡng có lời nói, thái độ giao tiếp đúng mực	4,59	91,76
D2. Nhân viên phục vụ (hộ lý, bảo vệ, kế toán...) có lời nói, thái độ, giao tiếp đúng mực	4,56	91,26
D3. Được nhân viên y tế tôn trọng, đối xử công bằng, quan tâm, giúp đỡ.	4,60	91,93
D4. Bác sĩ, điều dưỡng hợp tác tốt và xử lý công việc thành thạo, kịp thời	4,60	91,93
D5. Được bác sĩ thăm khám, động viên tại phòng điều trị	4,59	91,76
D6. Được tư vấn chế độ ăn, vận động, theo dõi và phòng ngừa biến chứng	4,56	91,26
D7. Nhân viên y tế không có biểu hiện gợi ý bồi dưỡng	4,59	91,76
Cộng	4,58	91,67

Ở nhóm này phản ánh được đánh giá cao nhất là về Bác sĩ, điều dưỡng có lời nói, thái độ giao tiếp đúng mực (4,59 điểm) trong các nhóm tiêu chí. Điểm trung bình và tỷ lệ hài lòng của nhóm tiêu chí này không có nhiều sự chênh lệch. Qua đó ta thấy người bệnh đánh giá rất tốt về tiêu chí D này. Người bệnh đến khám bệnh và điều trị luôn có tâm lý lo lắng nên khi được đội ngũ y bác sĩ thăm khám tận tình và chăm sóc chu đáo, họ sẽ cảm thấy yên tâm hơn.

2.6. Nhóm tiêu chí nhóm E: kết quả cung cấp dịch vụ

- Kết quả theo tiêu chí:

STT	Tên tiêu chí	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Mức 5	Điểm TB
1	E1	0	0	0	49	70	4,59
2	E2	0	0	0	48	71	4,60
3	E3	0	0	0	52	67	4,56
4	E4	0	0	01	53	66	4,55
5	E5	0	0	0	48	71	4,60
6	E6	0	0	0	46	73	4,61
	Cộng	0	0	1	296	418	4,59

- Kết quả điểm trung bình và tỷ lệ hài lòng chung của nhóm tiêu chí E

Nội dung	Điểm TB	Tỷ lệ hài lòng
E1. Thời gian chờ đợi khi khám chữa bệnh tại bệnh viện	4,59	91,76
E2. Được cấp phát cho dùng thuốc đúng giờ, hướng dẫn sử dụng thuốc đầy đủ và các tác dụng phụ nếu có	4,60	91,93
E3. Được nhắc lịch tái khám và hướng dẫn thực hành ăn uống, luyện tập, chăm sóc tại nhà trước khi ra viện	4,56	91,26
E4. Trang thiết bị, vật tư y tế đầy đủ, hiện đại, đáp ứng nhu cầu khám bệnh	4,55	91,09
E5. Kết quả điều trị đáp ứng nguyện vọng	4,60	91,93
E6. Ông/bà đánh giá mức độ tin tưởng về chất lượng dịch vụ y tế.	4,61	92,27
Cộng trung bình	4,59	91,71

Nhìn chung trong bảng này thì điểm trung bình và tỷ lệ hài lòng của nhóm tiêu chí E không có sự chênh lệch nhiều và người bệnh luôn có sự tin tưởng vào bệnh viện. Và đây là động lực để bệnh viện cố gắng phát triển hơn nữa để phục vụ tốt cho người bệnh.

III. KẾT LUẬN

- Bệnh viện đã đáp ứng trên 90% so với mong đợi của người bệnh trước khi nằm viện.

- Tỷ lệ người bệnh chắc chắn sẽ quay lại hoặc giới thiệu cho người khác chiếm 85 %.

- Tổng điểm trung bình toàn bệnh viện: 4,87

- Tỷ lệ hài lòng chung toàn bệnh viện: 97.5%

IV. PHÂN TÍCH KẾT QUẢ: Danh sách các vấn đề ưu tiên cần giải quyết

1. Ý kiến của người bệnh, người nhà người bệnh hay phàn nàn (qua

phòng vấn):

- Thời gian chờ làm siêu âm vẫn còn phải chờ lâu.
- Trời mưa, các hiên nhà vẫn còn nước đọng
- Vẫn còn tình trạng phải gọi nhân viên y tế sang rút dịch truyền.
- Phòng bệnh các ổ điện không sử dụng được, vòi hoa sen, quạt không

quay.

- Căng tin bệnh viện cần đa dạng món ăn hơn.

2. Xác định các vấn đề tồn tại, ưu tiên giải quyết và biện pháp khắc

phục:

Tinh thần thái độ phục vụ:

- Trưởng khoa /phòng nhắc nhở nghiêm khắc, có hình thức kiểm điểm rõ ràng nhân viên y tế nào bị người bệnh, người nhà người bệnh phản ánh về thái độ ứng xử, giao tiếp.

* Công tác vệ sinh:

- Điều dưỡng trưởng các khoa thường xuyên kiểm tra khu vực nhà vệ sinh bệnh nhân ít nhất 2 lần/ngày, kiểm soát việc nhà vệ sinh bản, không đảm bảo vệ sinh, có mùi hôi, tắc, mất nước... để kịp thời báo phòng TCHC giải quyết.

* Cơ sở vật chất:

- Phòng TCHC phối hợp với phòng điều dưỡng, khoa KSNK rà soát lại số lượng nhà vệ sinh đã và đang sử dụng cho cán bộ nhân viên y tế, người bệnh và người nhà người bệnh, hộ lý, từ đó sắp xếp lại và tăng số lượng nhà vệ sinh phục vụ người bệnh, người nhà người bệnh.

- Các khoa phòng thường xuyên kiểm tra tình hình hư hỏng các cơ sở vật chất phục vụ BN để viết giấy báo hỏng gửi phòng TCHC để sửa chữa hoặc mua mới kịp thời phục vụ người bệnh.

- Điều dưỡng trưởng các khoa giao các điều dưỡng chăm sóc theo từng buồng bệnh kiểm tra, rà soát đường điện, tủ đầu giường, giường bệnh... hàng ngày, nếu hỏng báo ngay với điều dưỡng trưởng để điều dưỡng trưởng báo phòng TCHC kịp thời sửa chữa/ bổ sung/ mua mới để phục vụ người bệnh.

- Căng tin phục vụ ăn uống sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, thay đổi món ăn hàng ngày.

* Công tác an ninh trật tự

- Đội ngũ bảo vệ tiếp tục duy trì tăng cường kiểm tra quanh BV đặc biệt buổi tối kịp thời ứng phó với các tình huống xấu xảy ra, đảm bảo an toàn, an ninh, trật tự bệnh viện.

V. ĐỀ XUẤT VÀ KIẾN NGHỊ

Nghiêm túc thực hiện tốt công việc và nhiệm vụ được giao đáp ứng tốt việc khám chữa bệnh và cung ứng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe người bệnh khi tới bệnh viện, nâng cao sự hài lòng của người bệnh;

Bác sĩ, điều dưỡng giữ gìn và phát huy thái độ niềm nở, chuẩn mực đối với người bệnh, cảm thông chia sẻ, tận tình chỉ bảo và giúp đỡ người bệnh;

Tăng cường công tác truyền thông đến người bệnh, người nhà người bệnh, tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh bằng nhiều hình thức khác nhau để người bệnh tin tưởng vào chất lượng dịch vụ y tế của bệnh viện góp phần đảm bảo và nâng cao sự hài lòng của người bệnh.

Trên đây là báo cáo kết quả khảo sát hài lòng người bệnh nội trú tại bệnh viện Quý III năm 2024.

Nơi nhận:

- Ban giám đốc (B/c);
- Các khoa, phòng;
- Lưu VT, QLCL-CTXH.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



La Văn Liệu